ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI **TRƯỜNG CAO ĐẲNG** **THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 283 /QĐ-TMDL	*Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Mức thu học phí học kỳ 1 năm học 2025 – 2026 cho 6 ngành hệ Trung cấp, Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 5689/QĐ-BGDĐT ngày 01/09/2008 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội trên cơ sở trường Trung học Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 19/05/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/NĐ-CP ngày 22/05/2025 của Chính phủ bổ sung, sửa đổi một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 05/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành danh mục ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố Hà Nội quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định của Bộ Chính trị tại phiên họp ngày 28/02/2025 về việc thực hiện miễn toàn bộ học phí cho học sinh từ mầm non đến hết trung học phổ thông công lập trên phạm vi cả nước;

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tế của Nhà trường;

Theo đề nghị của Kế toán trưởng, Trưởng phòng Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Liên kết đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành mức thu học phí học kỳ 1 năm học 2025 – 2026 cho 6 **ngành hệ Trung cấp, Cao đẳng** tại Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội, cụ thể: *Chi tiết như Phụ lục đính kèm.*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thực hiện đối với học kỳ 1 năm học 2025 – 2026.

Điều 3. Kế toán trưởng, Trưởng phòng Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Liên kết đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp, các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- BGH: (để báo cáo);
- Như Điều 3: (để thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

Trịnh Thị Thu Hà

Phụ lục mức thu học phí học kỳ 1 năm học 2025 – 2026

(Kèm theo Quyết định số 283/QĐ-TMDL ngày 09/6/2025)

1. Cao đẳng 17:

STT	Ngành/khóa	Mức học phí nộp/1 tín chỉ	Số tín/kỳ	Số tiền học phí nộp HKI theo tín chỉ	Mức học phí nộp/1 tháng	Số tháng/kỳ	Số tiền học phí nộp HKI theo tháng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3)* (4)	(6)	(7)	(8) = (6) * (7)
I	**Nhóm ngành 1**						
1	Các lớp Tiếng Hàn Quốc	431.200đ	16	6.900.000đ	1.380.000	5	**6.900.000đ**
2	Các lớp Tiếng Trung Quốc	431.200đ	16	6.900.000đ	1.380.000	5	**6.900.000đ**
II	**Nhóm ngành 3**						
1	Lớp Kỹ thuật công nghệ điện, điện tử	609.400đ	16	9.750.000đ	1.950.000	5	**9.750.000đ**

2. Trung cấp 60:

STT	Ngành/khóa	Mức học phí nộp/1 tín chỉ	Số tín/kỳ	Số tiền học phí nộp HKII theo tín chỉ	Mức học phí nộp/1 tháng	Số tháng/kỳ	Số tiền học phí nộp HKII theo tháng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3)* (4)	(6)	(7)	(8) = (6) * (7)
A	**Đối với học sinh tốt nghiệp PTTH:**						
I	**Nhóm ngành 1**						
1	Lớp Tiếng Anh	431.200đ	16	6.900.000đ	1.380.000	5	**6.900.000đ**
II	**Nhóm ngành 2**						
1	Lớp HDDL	494.000đ	16	7.900.000đ	1.580.000	5	**7.900.000đ**
III	**Nhóm ngành 4**						
1	Lớp Công nghệ thông tin	587.500đ	16	9.400.000đ	1.880.000	5	**9.400.000đ**
B	**Đối với học sinh tốt nghiệp THCS:**						
I	**Nhóm ngành 1**						
1	Lớp Tiếng Anh	431.200đ	16	6.900.000đ	1.380.000	5	**6.900.000đ**
II	**Nhóm ngành 2**						
1	Lớp HDDL	494.000đ	16	7.900.000đ	1.580.000	5	**7.900.000đ**
III	**Nhóm ngành 4**						
1	Lớp Công nghệ thông tin	587.500đ	16	9.400.000đ	1.880.000	5	**9.400.000đ**